TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **97**/2024/DS-ST
Ngày: 03-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Huỳnh Việt Bắc

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Yến Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/2024/TLST-DS, ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Hải Â, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 (có mặt).

Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1976 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp C, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Trần Hải Â trình bày:

Ông và ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thanh H có quen biết nên vào ngày 27 tháng 3 năm 2023 dương lịch, ông có cho vợ chồng ông T, bà H mượn 10 (mười) chỉ vàng 24K. Khi nhận vàng ông T có ký vào giấy biên nhận, ông T có hứa khi nào ông cần thì báo trước hai tuần sẽ trả lại cho ông. Ông đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông T, bà H trả vàng cho ông nhưng ông, bà cứ hứa hẹn kéo dài không trả. Nay ông yêu cầu Toà án xem xét giải quết buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thanh H trả cho ông 1 chỉ vàng 24K.

- Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông xác định là ông có viết biên nhận mượn của ông Trần Hải Â 10 chỉ vàng

24K vào ngày 27/3/2023, giấy tờ ghi là mượn nhưng thực tế hàng tháng ông có đóng lãi cho ông Â với số tiền là 2.500.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản, ông không có yêu cầu gì về việc đã đóng lãi. Số vàng này là ông hỏi của ông Â để ông trả các khoản nợ của ông trong lúc ông đi học, đây là nợ riêng của ông với ông Â do lúc đó vợ chồng ông đang sống ly thân. Nay đối với yêu cầu của ông Â thì ông đồng ý trả cho ông Â 10 chỉ vàng 24K, ông yêu cầu được trả hàng tháng theo lương, mỗi tháng trả 05 phân vàng 24K cho đến khi trả hết nợ.

- *Trong quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thanh H trình bày:* Đối với khoản nợ 10 chỉ vàng 24K giữa ông Nguyễn Văn T với ông Trần Hải Â thì bà không biết, do lúc đó bà và ông Nguyễn Văn T đang sống ly thân. Khi ông Â qua tìm gặp bà thì bà mới biết có khoản nợ này. Bà xác định đó là nợ riêng của ông T nên không đồng ý cùng với ông T trả nợ cho ông Â.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Hải Â khởi kiện ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thanh H yêu cầu trả vàng nên quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung: Ông Trần Hải Â xác định ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thanh H có hỏi mượn của ông 1 chỉ vàng 24K, điều này đã được ông T thừa nhận nên yêu cầu của ông Âu l có căn cứ được chấp nhận. Tuy nhiên ông T xác định đó là khoản nợ riêng trong thời gian vợ chồng ông sống ly thân và dùng vào việc riêng của ông nên ông có trách nhiệm trả cho ông Â, bà H không liên quan. Bà H cũng cho rằng đó là khoản nợ riêng của ông T do lúc đó bà và ông T đang ly thân không có sống chung, bà không biết chỉ đến khi ông Â đến gặp bà đòi thì bà mới biết có số nợ này nên không đồng ý cùng với ông T trả nợ cho ông Â.

Hội đồng xét xử thấy rằng tuy ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thanh H là vợ chồng, nhưng việc ông T mượn vàng của ông Trần Hải Â, bà H không biết, ông Â cũng không biết việc ông T mượn vàng để dùng vào việc gì. Trong khi đó ông T, bà H cùng xác định đó là nợ riêng của ông T trong thời gian vợ chồng sống ly thân, ông T dùng trong thời gian đi học và trả các khoản nợ của ông, mặt khác tại giấy biên nhận ngày 27/3/2023 cũng do một mình ông T ký tên, ông Â cho rằng đó là nợ trong thời kỳ hôn nhân nên yêu cầu ông T, bà H cùng có trách nhiệm trả nợ mà không đưa ra được chứng cứ nào để xác định khoản nợ này là dùng vào nhu cầu thiết yếu của gia đình nên lời trình bày của ông Â là chưa phù hợp và không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn T được trả hàng tháng mỗi tháng trả 05 phân vàng 24K cho đến khi trả dứt nợ là không có căn cứ chấp nhận. Vì phương thức thanh toán cụ thể của các bên thuộc giai đoạn thi hành bản án có hiệu lực pháp luật và thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án dân sự.

[4] Về án phí:

- Yêu cầu của ông Trần Hải Â được Toà án chấp nhận nên không phải chịu án phí, đã dự nộp được nhận lại.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Nguyễn Văn T phải chịu đối với yêu cầu của ông Trần Hải Â được Toà án chấp nhận là 5% x 10 chỉ vàng 24K (giá vàng tại thời điểm xét xử ngày 03-7-2024 là 7.480.000 đồng/01 chỉ) = 3.740.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Hải Â về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả vàng.

- Buộc ông Nguyễn Văn T trả cho ông Trần Hải Â 10 (mười) chỉ vàng 24K.

- Về án phí:

+ Ông Trần Hải Â không phải chịu án phí. Ngày 13-3-2024, ông Â đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.695.000 (Một triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0006313 của Chi cục thi hành án dân huyện U Minh được nhận lại.

+ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Nguyễn Văn T phải chịu 3.740.000 (Ba triệu bảy trăm bốn mươi nghìn) đồng, chưa nộp.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Lụa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.